

**DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

(Kèm theo Quyết định số

/QĐ-STNMT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Sở Tài  
nguyên và Môi trường)

ĐVT: đồng

| Số TT     | Nội dung                                                                                                                                  | Dự toán đã được giao | Dự toán điều chỉnh:<br>Tăng (+)/<br>Giảm (-) | Dự toán sau điều chỉnh |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------|------------------------|
| <b>II</b> | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>                                                                                                     | <b>1.328.102.000</b> | <b>-269.000.000</b>                          | <b>1.059.102.000</b>   |
| <b>1</b>  | <b>Chi quản lý hành chính (340-341)</b>                                                                                                   | <b>906.102.000</b>   | <b>-255.000.000</b>                          | <b>651.102.000</b>     |
| <b>a</b>  | <b>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</b>                                                                                                   | <b>0</b>             | <b>0</b>                                     | <b>0</b>               |
|           | - Kinh phí hoạt động                                                                                                                      |                      |                                              | -                      |
| <b>b</b>  | <b>Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ</b>                                                                                             | <b>906.102.000</b>   | <b>-255.000.000</b>                          | <b>651.102.000</b>     |
|           | Kinh phí tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản                                                                                       | 153.900.000          | -73.000.000                                  | 80.900.000             |
|           | Kinh phí hội đồng thẩm định khoáng sản                                                                                                    | 74.510.000           | -10.000.000                                  | 64.510.000             |
|           | Hỗ trợ kinh phí hoạt động Đảng bộ cơ sở                                                                                                   | 72.000.000           | -30.000.000                                  | 42.000.000             |
|           | Kinh phí mua sắm tài sản, máy móc thiết bị                                                                                                | 229.000.000          | -5.000.000                                   | 224.000.000            |
|           | Kinh phí hỗ trợ chi hoạt động chuyên môn                                                                                                  | 213.352.000          | -43.000.000                                  | 170.352.000            |
|           | Kinh phí hỗ trợ chi nghiệp vụ thanh tra và các nhiệm vụ khác do UBND tỉnh giao                                                            | 146.340.000          | -90.000.000                                  | 56.340.000             |
|           | Kinh phí bồi dưỡng cho các đối tượng được mời, triệu tập phối hợp tham gia tiếp công dân xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo                  | 17.000.000           | -4.000.000                                   | 13.000.000             |
| <b>2</b>  | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường (250-278)</b>                                                                                          | <b>400.000.000</b>   | <b>-3.000.000</b>                            | <b>397.000.000</b>     |
| <b>a</b>  | <b>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</b>                                                                                                   | <b>-</b>             | <b>0</b>                                     | <b>-</b>               |
| <b>b</b>  | <b>Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ</b>                                                                                             | <b>400.000.000</b>   | <b>-3.000.000</b>                            | <b>397.000.000</b>     |
|           | Kinh phí nghiên cứu, điều tra kiểm soát nguồn thải trực tiếp gây suy thoái tài nguyên, ô nhiễm môi trường vùng biển ven bờ tỉnh Bình Định | 400.000.000          | -3.000.000                                   | 397.000.000            |
| <b>3</b>  | <b>Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề (070-083)</b>                                                                               | <b>22.000.000</b>    | <b>-11.000.000</b>                           | <b>11.000.000</b>      |
| <b>a</b>  | <b>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</b>                                                                                                   | <b>-</b>             | <b>0</b>                                     | <b>-</b>               |
| <b>b</b>  | <b>Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ</b>                                                                                             | <b>22.000.000</b>    | <b>-11.000.000</b>                           | <b>11.000.000</b>      |
|           | Chi đào tạo                                                                                                                               | 22.000.000           | -11.000.000                                  | 11.000.000             |